

Sở GD VÀ ĐT Thành Phố Đà Nẵng

Trường: THPT Đỗ Đăng Tuyển

Giáo viên soạn: Bùi Thị Tuyết

Ngày soạn: 14/9/2026

Thời gian thực hiện: tuần học 3

Lớp dạy: 10/4, 10/7, 10/8, 10/9, 10/11

Chủ đề 1: MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC

BÀI 7: THỰC HÀNH SỬ DỤNG THIẾT BỊ SỐ THÔNG DỤNG

Môn: Tin học – Lớp: 10

Thời gian thực hiện: 2 tiết TH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết được thiết bị số cá nhân thông dụng thường có những gì.
- Biết được một số tính năng tiêu biểu của thiết bị số cá nhân thông dụng
- Khai thác sử dụng một số ứng dụng và dữ liệu trên các thiết bị di động như máy tính bảng (tablet), điện thoại thông minh (smartphone).

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý của GV để trả lời các câu hỏi.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc theo nhóm để giải quyết những yêu cầu của GV.
- Năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề: HS trả lời các câu hỏi của GV và bổ sung, đưa ra một số ví dụ minh chứng liên quan đến nội dung bài học.

2.2. Năng lực chuyên môn:

- Năng lực Tin học;
- Năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề.

2.3 Năng lực số:

- 2.2 .NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp. (HĐVD: HS chia sẻ dữ liệu qua công cụ số bằng cách thực hành sử dụng các chức năng cơ bản trên thiết bị thông minh.)

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi (máy chiếu)

2. Học liệu:

- Học sinh: SGK Tin học 10, SBT Tin học 10.
- Giáo viên: Kế hoạch bài dạy

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (10 phút)

- a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập cho học sinh
- b. **Nội dung:** Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi
- c. **Sản phẩm:** Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra liệu.
- d. **Tổ chức thực hiện:** GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài



♦ Giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: Quan sát để nhận biết các nút bấm của điện thoại thông minh. Khởi động điện thoại thông minh, tìm hiểu hệ điều hành đang sử dụng và các chế độ của màn hình.

♦ **Báo cáo, thảo luận:** HS xung phong trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, tranh luận.

♦ Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (60 phút)

Hoạt động 1: TRỢ THỦ SỐ CÁ NHÂN (20 phút)

- a. **Mục tiêu:** Biết được một số thiết bị là trợ thủ số cá nhân và các ứng dụng tiêu biểu
- b. **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV
- c. **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. **Tổ chức thực hiện:**

♦ Giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 8 nhóm (các nhóm đề cử 1 nhóm trưởng, 1 thư ký).

Sự phát triển của Công nghệ thông tin và vi điện tử đã dẫn tới sự ra đời của hàng loạt các thiết bị số hỗ trợ cá nhân, còn gọi là trợ thủ số cá nhân. Các em hãy liệt kê một số thiết bị có thể là trợ thủ số cá nhân và các ứng dụng tiêu biểu đi kèm?

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại các tính chất.
- Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.
- GV yêu cầu các nhóm cho thêm ví dụ khác.
- GV chốt lại kiến thức bài học

1. TRỢ THỦ SỐ CÁ NHÂN

- Trợ thủ số cá nhân hay (PDA - Personal Digital Assistant) là thiết bị số tích hợp nhiều chức năng và phần mềm ứng dụng hữu ích cho người dùng với đặc điểm quan trọng là nhỏ gọn, có khả năng kết nối mạng.
- Các PDA phổ biến là điện thoại thông minh, máy tính bảng, đồng hồ thông minh, máy đọc sách... Phần lớn các PDA dạng điện thoại di động và máy tính bảng hiện nay (Hình 7.2) đều chạy trên 2 hệ điều hành phổ biến là IOS của hãng Apple và Android của hãng Google.

Hoạt động 2: THỰC HÀNH SỬ DỤNG THIẾT BỊ SỐ CÁ NHÂN(40 phút)

a) Mục tiêu: Hiểu được những thao tác sử dụng thiết bị số cá nhân

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

♦ **Giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 8 nhóm (các nhóm đều cử 1 nhóm trưởng, 1 thư ký).
- Nhóm 1,2 thực hiện nhiệm vụ 1
- Nhóm 3,4 thực hiện nhiệm vụ 2
- Nhóm 5,6 thực hiện nhiệm vụ 3
- Nhóm 7,8 thực hiện nhiệm vụ 4

Giao về nhà chuẩn bị bài thuyết trình hoặc có sử dụng slide để minh họa.

Thuyết trình trong 10 phút. Có thể soạn slide, hình ảnh, video hoặc cả nhóm lên làm.

Nộp bài cho GV trước ngày lên báo cáo: nv1_lop108_tenminh ví dụ: nv1_lop108_buituyet,anh,nhi

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- HS Lắng nghe, ghi chú
- Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.
- GV yêu cầu các nhóm cho thêm ví dụ khác.
- GV chốt lại kiến thức bài học

2. THỰC HÀNH SỬ DỤNG THIẾT BỊ SỐ CÁ NHÂN

Tìm hiểu về cách thức sử dụng điện thoại thông minh.

Nhiệm vụ 1: Quan sát để nhận biết các nút bấm của điện thoại thông minh. Khởi động điện thoại thông minh, tìm hiểu hệ điều hành đang sử dụng và các chế độ của màn hình.

Hướng dẫn

Bước 1: Quan sát điện thoại thông minh (hình 7.4). Phía hai bên thân máy thường có một số nút bấm như:



Hình 7.4. Các nút trên điện thoại thông minh

Nút khóa: Dùng để bật máy hoặc tắt màn hình

Nút tăng/giảm âm lượng. Một số máy có nút bật tắt âm thanh.

Bước 2. Bấm nút khóa để khởi động điện thoại di động. Quan sát và nhận biết hệ điều hành trên điện thoại đang dùng.

Nhiệm vụ 2. Làm quen với màn hình làm việc và các chức năng trên màn hình của điện thoại thông minh.

Hướng dẫn

Bước 1. Quan sát màn hình làm việc của điện thoại thông minh. Màn hình chính có một số thông tin như sau:

- Thanh trạng thái: hiển thị tình trạng kết nối, thời gian hiện tại, tỉ lệ % pin 16:10 còn lại....
- Các biểu tượng ứng dụng (application – gọi tắt app) cài trên máy. Các ứng

dụng được nhà sản xuất cài đặt sẵn hoặc do người dùng cài đều được liệt kê ở đây. Với kích thước hữu hạn của màn hình chính, sau một thời gian, màn hình sẽ hết chỗ, khi đó sẽ có thêm các trang để chứa các biểu tượng của các ứng dụng mới

- Thanh truy cập nhanh chứa các ứng dụng hay dùng, sẽ được lập lại ở cuối tất cả các trang của màn hình chính.

- Thanh điều hướng (navigation bar). Hầu hết các thiết bị sử dụng hệ điều hành Android không trang bị nút Home vật lý, thay vào đó là thanh điều hướng với các nút ảo ở dưới màn hình cảm ứng, trong đó có hai nút cảm ứng rất quan trọng là nút **Quay lại** (Back) và nút hiển thị danh sách tất cả các ứng dụng đang chạy là nút **Tổng quan** (Overview).

Bước 2: Thực hiện các thao tác sau và nhận xét

Bấm nút Home.

Vuốt màn hình cảm ứng theo các chiều trái, phải, lên.

Bấm vào phím **Quay lại** và phím **Tổng quan** (nếu dùng điện thoại có hệ điều hành Android)

Nhiệm vụ 3. Quan sát các biểu tượng điện thoại thông minh. Tìm hiểu thêm về các chức năng và các ứng dụng trên điện thoại thông minh.

Hướng dẫn

Bước 1. Quan sát các biểu tượng Hình 7.6 và cho biết những ứng dụng mà em biết Các chức năng và các ứng dụng có sẵn hoặc được cài đặt sau này đều được thể hiện bởi các biểu tượng trên màn hình.

Một số chức năng thiết yếu của điện thoại là: Gọi điện, Nhắn tin, Quản lý danh bạ.

Một số ứng dụng thường dùng có sẵn trên điện thoại là: Chụp ảnh và quản lý kho ảnh, Trình duyệt, Email, Máy tính, Lịch, Hẹn giờ, Báo thức, Chợ phần mềm, ...

Người sử dụng có thể cài đặt thêm các ứng dụng khác lấy từ chợ phần mềm trên mạng xuống như các chương trình hỗ trợ học tập trực tuyến Zoom, MS Teams, Google Meets,... các dịch vụ lưu trữ đám mây như OneDrive, Google Drive,...

Bước 2:

Mở một ứng dụng hỗ trợ học tập trực tuyến như Zoom, Google meets tham gia buổi học trực tuyến do thầy/ cô giáo thiết lập

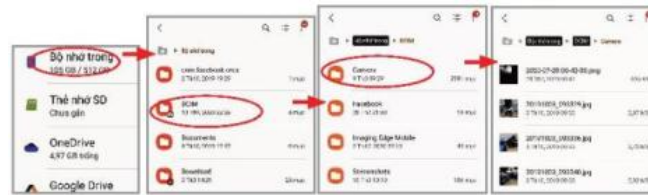
Mở và đăng ký dịch vụ lưu trữ đám mây như OneDrive, Google Drive.

Nhiệm vụ 4. Hãy tìm xem trên điện thoại của bạn một ứng dụng quản lý tệp: Mở một tệp ảnh bất kì để xem thông tin, xóa tệp trên đám mây.

Hướng dẫn.

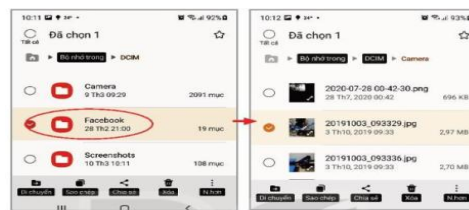
Bước 1: Mở ứng dụng quản lý tệp

Bước 2: Thao tác mở, chọn, xem, sao chép, di chuyển các tệp tin trên điện thoại.
Ví dụ, để truy cập vào thư mục ảnh chụp ở bộ nhớ để xem các tệp ảnh



Hình 7.7. Mở để xem các tệp ảnh chụp

Nếu chọn thư mục hay tệp bằng cách chạm và giữ lâu một chút, sẽ xuất hiện các nút điều khiển để ta có thể di chuyển, sao chép, chia sẻ hoặc xóa thư mục hay tệp.



Hình 7.8. Một tệp để di chuyển, sao chép, chia sẻ và xóa

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10 phút)

- Mục tiêu:** củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.
- Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.
- Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Tổ chức thực hiện:**

Câu 1. Điện thoại thông minh khác với điện thoại thường ở điểm nào?

- Điện thoại thông minh có khả năng thực hiện một số tính toán phức tạp.
- Điện thoại thông minh có khả năng cài đặt một số phần mềm ứng dụng nên có thể truy cập Internet và hiển thị dữ liệu đa phương tiện.
- Điện thoại thông minh với hệ điều hành có các tính năng “thông minh” hơn so với điện thoại thường.
- Tất cả các đáp án trên.

Câu 2. Em hãy chụp một tấm ảnh bằng điện thoại thông minh. Sau đó vào hệ thống quản lý tệp để tìm đến thư mục chứa ảnh đã chụp. Em hãy mở xem ảnh đó, sau đó xóa đi.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(10 phút)

a. Mục tiêu:

- Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- 2.2 .NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp. (HĐVD: HS chia sẻ dữ liệu qua công cụ số bằng cách thực hành sử dụng các chức năng cơ bản trên thiết bị thông minh.)**

b. Nội dung:.

c. **Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Gv đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Em hãy kết nối điện thoại thông minh với máy tính để sao chép ảnh chụp vào thư mục trên máy tính.

Câu 2. Hãy thực hành lưu trữ các ảnh đó trên dịch vụ lưu trữ đám mây.

Câu 3. Hãy thực hành gửi các ảnh này qua phần mềm hỗ trợ học trực tuyến như Zoom.